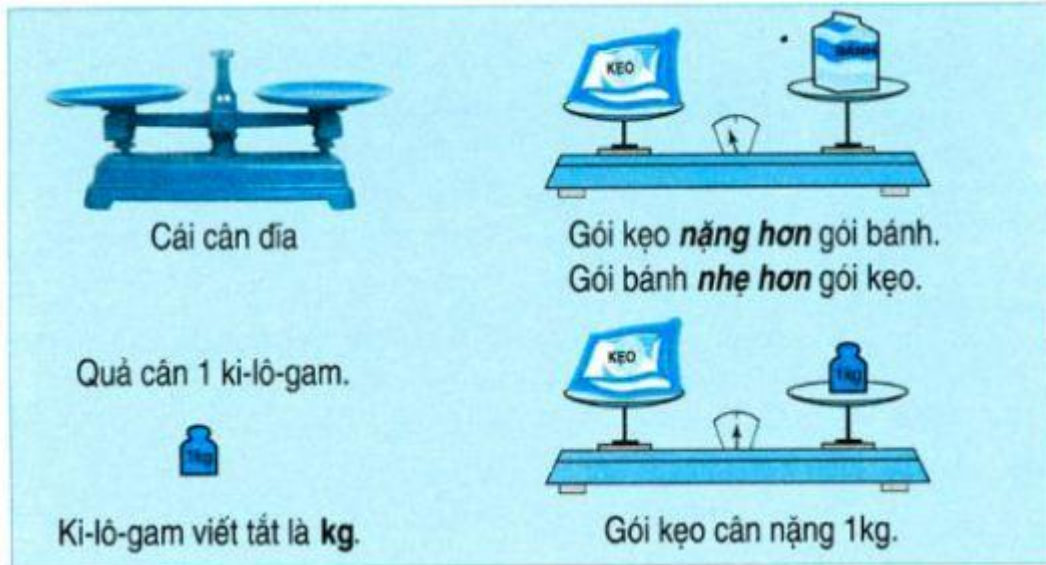


1. Lý thuyết về Ki - lô - gam

KIẾN THỨC CẦN NHỚ:



2. Các dạng Toán Ki - lô - gam

Dạng 1: Đọc và viết đơn vị khối lượng.

Đơn vị “kg” đọc là “Ki – lô – gam”

- Cách đọc: Đọc số rồi ghép với cách đọc của tên đơn vị là “ki-lô-gam”

- Cách viết: Viết số và ghép với kí hiệu của đơn vị là “kg”

Ví dụ: 7kg được đọc là.....

Giải:

7kg được đọc là: Bảy ki-lô-gam.

Dạng 2: Thực hiện phép tính với đơn vị khối lượng

- Em thực hiện phép tính với các số.
- Giữ nguyên đơn vị đo ở kết quả.

Lưu ý: Các số liệu trong một phép tính cần đưa về cùng một đơn vị đo.

Ví dụ: $5\text{kg} + 3\text{kg} = ?$

Giải

$$5\text{kg} + 3\text{kg} = 8\text{kg}$$

Số cần điền thay cho dấu ? là 8kg

Dạng 3: Toán đố

- Đọc và phân tích kỹ đề, xác định số đã biết, số chưa biết.
- Tìm cách giải cho bài toán, chú ý cách giải của dạng toán “nhiều hơn”; “ít hơn” vừa học.
- Trình bày bài và kiểm tra lại kết quả vừa tìm được.

Ví dụ: Mẹ em mua 17kg gạo nếp và 18kg gạo tẻ. Hỏi mẹ đã mua tất cả bao nhiêu ki-lô-gam gạo nếp và gạo tẻ?

Giải:

Mẹ đã mua tất cả số ki-lô-gam gạo nếp và gạo tẻ là:

$$17 + 18 = 35(\text{kg})$$

Đáp số: 35kg.

I. Lý thuyết về Ôn tập các số đến 100

1. KIẾN THỨC CẦN NHỚ

- Đọc, đếm, viết các số trong phạm vi 100.
- Nhận biết các số có một chữ số; số lớn nhất; số bé nhất, số bé nhất có một chữ số; số lớn nhất, số có một chữ số, số có hai chữ số, số liền trước, số liền sau....

									0
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
51	52	53	54	55	56	57	58	59	60
61	62	63	64	65	66	67	68	69	70
71	72	73	74	75	76	77	78	79	80
81	82	83	84	85	86	87	88	89	90
91	92	93	94	95	96	97	98	99	100

II. CÁC DẠNG TOÁN về Ôn tập các số đến 100

Dạng 1: Đọc, đếm, viết các số trong phạm vi 100

- Đọc các số lần lượt từ hàng chục (với các số khác) ghép với từ mươi rồi đến chữ số hàng đơn vị.
- Từ cách đọc, viết các chữ số tương ứng với mỗi hàng rồi ghép lại để được số có hai chữ số.

Ví dụ:

Hàng chục	Hàng đơn vị	Viết số	Đọc số
9	5	95	Chín mươi lăm

Dạng 2: Đặc điểm của các số trong phạm vi 100

Cần ghi nhớ một số các đặc điểm sau:

- a) Các số có một chữ số là các số trong phạm vi từ 0 đến ...
- b) Các số tròn chục là: 10;20;30;40;50;60;70;80;90 và 100
- c) Số bé nhất có hai chữ số là 10, số lớn nhất có hai chữ số là số 99.
- d) Các số có hai chữ số giống nhau là số....

Ví dụ: Số tròn chục lớn nhất có hai chữ số là.....

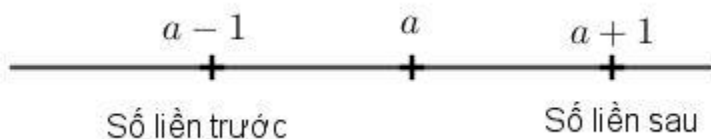
Giải:

Số tròn chục lớn nhất có hai chữ số là 90.

Số cần điền vào chỗ chấm là 90

Dạng 3: Số liền trước, liền sau.

- Số liền trước của một số a bất kì thì kém số a một đơn vị.
- Số liền sau của một số a bất kì thì hơn số a một đơn vị.



Ví dụ:

- Số liền trước của số 14 là số 13, $(14 - 1)$
- Số liền sau của số 14 là số 15, $(14 + 1)$.